



NỘI DUNG CHÍNH

+ THÔNG TIN PHÁP LÝ MỚI NHẤT

1. Hướng dẫn về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.
2. Hướng dẫn áp dụng cơ chế APA đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết.
3. Quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong UKVFTA.

+ BÀI VIẾT

Bảo hộ nhãn hiệu quốc tế – Bài học pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam.

+ ĐỌC BÁO GIÚP BẠN

1. Sắp hết thời tự do livestream, kiếm tiền online.
2. Sắp "khai tử" hóa đơn giấy để chống gian lận.

+ GIẢI ĐÁP VƯỚNG MẮC

1. Thủ tục tạm xuất, tái nhập hàng thay thế.
2. Sử dụng hóa đơn và thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cung cấp dịch vụ ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất.
3. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân.
4. Chính sách thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư.

+ DANH MỤC VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

1. Hướng dẫn về nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Ngày 30/6/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 51/2021/TT-BTC (“**Thông tư 51/2021**”) về việc hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Thông tư 51/2021 có hiệu lực từ ngày 16/8/2021 thay thế Thông tư số 123/2015/TT-BTC và có một số điểm mới đáng lưu ý sau đây:

1.1 Đối tượng áp dụng

Thông tư 51/2021 hướng dẫn về nghĩa vụ của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và áp dụng cho:

- ✓ Nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan.
- ✓ Thành viên lưu ký, thành viên bù trừ, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức phát hành chứng chỉ lưu ký tại nước ngoài, tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.
- ✓ Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và công ty con.
- ✓ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

1.2 Thêm nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về các giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài

So với Thông tư 123/2015/TT-BC, Thông tư 51/2021 bổ sung thêm nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin về các giao dịch chứng khoán theo pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài, nhóm nhà đầu tư nước ngoài như sau:

- Trường hợp có sự thay đổi số lượng nhà đầu tư nước ngoài trong nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan nhưng không có sự thay đổi về tổ chức, cá nhân thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin thì tổ chức, cá nhân được chỉ định, ủy quyền báo cáo sở hữu, công bố thông tin có trách nhiệm báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ khi có sự thay đổi.
- Tài liệu báo cáo bao gồm: (i) Bản cập nhật thay đổi về danh sách nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan theo mẫu quy định, (ii) Văn bản chỉ định hoặc ủy quyền của nhà đầu tư nước ngoài mới về việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo mẫu quy định (trong trường hợp bổ sung nhà đầu tư nước ngoài mới tham gia vào nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan).

1.3 Bổ sung thêm 2 nghĩa vụ trong hoạt động cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư nước ngoài

Ngoài việc thực hiện các nghĩa vụ trong hoạt động cung cấp dịch vụ như trước đây, Thông tư 51/2021 còn bổ sung thêm 2 nghĩa vụ trong hoạt động cung cấp dịch vụ mà nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện là:

- Thành viên lưu ký phải lập và lưu trữ hồ sơ, chứng từ về các hoạt động lưu ký tài sản trên tài khoản lưu ký của các tổ chức, cá nhân được cấp mã số giao dịch chứng khoán và phải cung cấp khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
- Thành viên bù trừ phải lưu giữ đầy đủ các chứng từ về bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán của các tổ chức, cá nhân được cấp mã số giao dịch chứng khoán, cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin và các tài liệu liên quan tới hoạt động bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán khi có yêu cầu của các cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.4 Bổ sung quy định về thời gian chốt số liệu và lưu trữ báo cáo

Theo Điều 7 của Thông tư 51/2021, thời gian chốt số liệu báo cáo định kỳ và lưu

trữ báo cáo của Thành viên lưu ký, Ngân hàng lưu ký, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam, các công ty con của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam được thực hiện như sau:

- Đối với báo cáo hai tuần: tính từ ngày đầu tiên của tháng báo cáo đến ngày 15 của tháng báo cáo và từ ngày 16 của tháng báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).
- Đối với báo cáo tháng: tính từ ngày đầu tiên của tháng báo cáo đến ngày cuối cùng của tháng báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).
- Đối với báo cáo năm: tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 năm báo cáo (trừ số liệu phản ánh tại thời điểm nhất định).
- Các báo cáo được thể hiện dưới hình thức văn bản giấy kèm theo tệp dữ liệu điện tử hoặc trên hệ thống quản lý hoạt động nhà đầu tư nước ngoài của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải được lưu trữ trong thời gian tối thiểu là 5 năm.

2. Hướng dẫn áp dụng cơ chế APA đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết

Ngày 18/6/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 45/2021/TT-BTC (“**Thông tư 45/2021**”) hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Thông tư 45/2021 có hiệu lực từ ngày 03/8/2021 thay thế Thông tư số 201/2013/TTBTC và có một số quy định đáng lưu ý sau đây:

2.1 Giao dịch được đề nghị áp dụng APA

Theo Điều 3 của Thông tư 45/2021, các giao dịch được đề nghị áp dụng APA gồm:

- Giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng hàng hóa, cung cấp dịch vụ; vay, cho vay, dịch vụ tài chính, đảm bảo tài chính và các công cụ tài chính khác.
- Giao dịch mua, bán, trao đổi, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn, chuyển giao, chuyển nhượng tài sản hữu hình, tài sản vô hình và thỏa thuận mua, bán, sử dụng chung nguồn lực như tài sản, vốn, lao động, chia sẻ chi phí giữa các bên có quan hệ liên kết, trừ các giao dịch kinh doanh đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi điều chỉnh giá của Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật về giá.

Giao dịch được đề nghị áp dụng APA với các giao dịch trên đây phải đáp ứng đồng thời các điều kiện như:

- ✓ Giao dịch thực tế đã phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế và sẽ tiếp tục diễn ra trong giai đoạn đề nghị áp dụng APA.
- ✓ Giao dịch có cơ sở để xác định được bản chất giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế và có cơ sở để phân tích, so sánh, lựa chọn đối tượng so sánh độc lập theo quy định tại Nghị định 132/2020/NĐ-CP dựa trên các thông tin, dữ liệu tuân thủ các quy định của Luật Quản lý thuế năm 2019.

- ✓ Giao dịch không thuộc trường hợp có tranh chấp, khiếu nại về thuế.
- ✓ Giao dịch được thực hiện minh bạch, không nhằm mục đích trốn, tránh thuế, hoặc lợi dụng hiệp định về thuế.

2.2 Nguyên tắc áp dụng APA

APA được áp dụng trên nguyên tắc cơ quan thuế và người nộp thuế hoặc cơ quan thuế Việt Nam và cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế cùng hợp tác, trao đổi, đàm phán về việc áp dụng các quy định pháp luật về thực hiện nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các giao dịch liên kết thuộc phạm vi APA phù hợp với các nguyên tắc giao dịch độc lập và nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế.

2.3 Tổng cục Thuế là cơ quan đàm phán về cơ chế thỏa thuận giá tính thuế

Theo khoản 1 Điều 8 của Thông tư 45/2021/TT-BTC, Tổng cục Thuế thực hiện trao đổi, đàm phán nội dung APA với người nộp thuế (trong trường hợp đề nghị áp dụng APA đơn phương), hoặc với cơ quan thuế đối tác và người nộp thuế (trong trường hợp đề nghị áp dụng APA song phương, đa phương) qua các hình thức tổ chức họp, gặp mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại, truyền hình trực tuyến hoặc bằng trao đổi văn bản qua thư tín về các nội dung liên quan đến đề nghị áp dụng APA của người nộp thuế.

Việc trao đổi, đàm phán nhằm thống nhất với người nộp thuế, cơ quan thuế đối tác về các nội dung dự kiến tại bản dự thảo APA cuối cùng theo quy định

tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Kết quả của từng lần trao đổi, đàm phán phải được các bên tham gia ghi nhận bằng văn bản.

2.4 Trách nhiệm của người nộp thuế trong thời gian thực hiện APA

Theo điểm c khoản 2 Điều 9 của Thông tư 45/2021, trong thời gian thực hiện APA, người nộp thuế có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện tại APA đã được ký kết và thực hiện việc điều chỉnh thu nhập chịu thuế phù hợp với mức giá hoặc tỷ suất lợi nhuận hoặc tỷ lệ phân bổ lợi nhuận đã được quy định tại APA để thực hiện khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

3. Quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa trong UKVFTA

Ngày 11/6/2021, Bộ Công Thương ban hành Thông tư 02/2021/TT-BCT (“**Thông tư 02/2021**”) quy định về quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len (UKVFTA). Thông tư 02/2021 có hiệu lực từ ngày 27/6/2021, trong đó đáng lưu ý là quy định về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

3.1 Nhà xuất khẩu được tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa có giá trị không quá 6.000 EUR

Theo Điều 19 của Thông tư 02/2021, đối với hàng hóa có xuất xứ Vương quốc Anh nhập khẩu vào Việt Nam có trị giá không quá 6.000 EUR, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ. Với lô hàng có trị giá trên 6.000 EUR, chỉ có nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định của Vương quốc Anh mới được tự chứng nhận xuất xứ.

Đối với hàng hóa có xuất xứ Việt Nam nhập khẩu vào Vương quốc Anh có trị giá không quá 6.000 EUR, bất kỳ nhà xuất khẩu nào cũng được phép tự chứng nhận xuất xứ. Với lô hàng có trị giá trên 6.000 EUR, áp dụng cơ chế C/O do cơ quan, tổ chức được Bộ Công Thương ủy quyền cấp.

3.2 Nhà xuất khẩu được phép tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Vương quốc Anh

- Theo Điều 24 của Thông tư 02/2021, Nhà xuất khẩu được phép tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa khi hàng hóa có xuất xứ từ Vương quốc Anh và đáp ứng quy định khác của UKVFTA.
- Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác có đủ thông tin về hàng hóa, bằng cách đánh máy, đóng dấu hoặc in nội dung lời văn khai báo xuất xứ hàng hóa trên chứng từ. Trong đó, “chứng từ thương mại khác” có thể là phiếu gửi hàng, hóa đơn chiếu lệ hoặc phiếu đóng gói. Chứng từ vận tải như vận tải đơn hoặc vận đơn hàng không không được coi là chứng từ thương mại khác.
- Nội dung tự chứng nhận xuất xứ không được thực hiện trên một mẫu riêng biệt. Nội dung tự chứng nhận xuất xứ được phép thực hiện trên một trang khác của chứng từ

thương mại với điều kiện nhận biết được trang đó là một phần của chứng từ thương mại.

- Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ phải có chữ ký viết tay của nhà xuất khẩu. Tuy nhiên, nhà xuất khẩu đủ điều kiện theo quy định Vương quốc Anh được phép không ký tên với điều kiện nhà xuất khẩu cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền của Nước thành viên xuất khẩu văn bản cam kết rằng nhà xuất khẩu chịu trách nhiệm toàn bộ về chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa.
- Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ có thể phát hành sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện được xuất trình tại Nước thành viên nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu kể từ khi hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Nước thành viên nhập khẩu.

3.3 Nhà xuất khẩu được phép tự chứng nhận xuất xứ đối với hàng hóa từ Việt Nam

- Theo Điều 25 của Thông tư 02/2021, nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định khi hàng hóa có xuất xứ Việt Nam và đáp ứng quy định khác của UKVFTA.
- Nhà xuất khẩu tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa trên hóa đơn, phiếu giao hàng hoặc chứng từ thương mại khác có đủ thông tin về hàng hóa, bằng cách đánh máy, đóng dấu hoặc in nội dung lời văn khai báo xuất xứ hàng hóa trên chứng từ. Trong đó, “chứng từ thương mại khác” có thể là phiếu gửi hàng, hóa đơn chiếu lệ hoặc phiếu đóng gói.

Chứng từ vận tải như vận tải đơn hoặc vận đơn hàng không không được coi là chứng từ thương mại khác.

- Chứng từ tự chứng nhận xuất xứ có thể phát hành sau khi xuất khẩu hàng hóa với điều kiện được xuất trình tại Nước thành viên nhập khẩu không muộn hơn 2 năm hoặc theo quy định của Nước thành viên nhập khẩu kể từ khi hàng hóa được đưa vào lãnh thổ Nước thành viên nhập khẩu.
- Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ ngày phát hành chứng từ tự chứng nhận xuất xứ, nhà xuất khẩu khai báo, đăng tải chứng từ tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chứng từ liên quan đến lô hàng xuất khẩu như: (i) bản in tờ khai hải quan xuất khẩu, (ii) các bản sao (đóng dấu sao y bản chính của thương nhân) của hóa đơn thương mại, vận tải đơn hoặc bản sao chứng từ vận tải tương đương, quy trình sản xuất hàng hóa; (iii) bảng kê khai chi tiết hàng hóa xuất khẩu đạt tiêu chí xuất xứ ưu đãi hoặc tiêu chí xuất xứ không ưu đãi; và (iv) bản khai báo xuất xứ của nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nguyên liệu có xuất xứ hoặc hàng hóa có xuất xứ được sản xuất trong nước theo mẫu trên Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn của Bộ Công Thương trong trường hợp nguyên liệu đó được sử dụng cho một công đoạn tiếp theo để sản xuất ra một hàng hóa khác.

3.4 Chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa có hiệu lực 12 tháng

Theo Điều 26 của Thông tư 02/2021, chứng từ chứng nhận xuất xứ có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày phát hành tại nước thành viên xuất khẩu và phải nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu trong thời hạn hiệu lực. Tuy nhiên, chứng từ chứng nhận xuất xứ nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu sau thời hạn trên vẫn có thể được chấp nhận để hưởng ưu đãi thuế quan UKVFTA trong trường hợp nhà nhập khẩu không thể nộp các chứng từ đó trong thời hạn hiệu lực vì lý do bất khả kháng hoặc các lý do hợp lệ khác nằm ngoài sự kiểm soát của nhà nhập khẩu. Trong trường hợp xuất trình muộn khác, cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu có thể chấp nhận chứng từ chứng nhận xuất xứ của hàng hóa đã được nhập khẩu trong thời hạn hiệu lực.

3.5 Thời hạn nộp chứng từ chứng nhận xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan

Điều 27 của Thông tư 02/2021 quy định, để hưởng ưu đãi thuế quan theo UKVFTA, chứng từ chứng nhận xuất xứ phải được nộp cho cơ quan hải quan Việt Nam trong thời gian 2 năm kể từ thời điểm nhập khẩu. Cơ quan hải quan có thể yêu cầu bản dịch nếu chứng từ chứng nhận xuất xứ không phải bằng tiếng Anh.

Ngoài ra, theo Điều 37 của Thông tư 02/2021 thì hàng hóa có xuất xứ đang ở nước thành viên hoặc trong quá trình vận chuyển, lưu kho tạm thời, trong kho ngoại quan hoặc trong khu phi thuế quan kể từ ngày 01/01/2021 sẽ được hưởng ưu đãi thuế quan theo UKVFTA khi đáp ứng quy định tại Thông tư 02/2021 và có chứng từ chứng nhận xuất xứ phát hành sau được nộp cho cơ quan hải quan nước thành viên nhập khẩu.

3.6 Trường hợp được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa

Theo Điều 29 của Thông tư 02/2021, trường hợp được miễn chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa bao gồm:

- (i) Hàng hóa được gửi theo kiện nhỏ từ cá nhân đến cá nhân hoặc hành lý cá nhân của người đi du lịch được coi là hàng hóa có xuất xứ mà không yêu cầu phải có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, với điều kiện hàng hóa đó không được nhập khẩu theo hình thức thương mại, được khai báo đáp ứng quy định tại Thông tư này và không có nghi ngờ về tính xác thực của khai báo đó.
- (ii) Lô hàng nhập khẩu không thường xuyên chỉ bao gồm các sản phẩm phục vụ tiêu dùng cá nhân của người nhận hàng hoặc người đi du lịch hoặc gia đình của người đó không được coi là nhập khẩu theo hình thức thương mại nếu bản chất và số lượng sản phẩm đó có thể là bằng chứng cho thấy sản phẩm không dùng cho mục đích thương mại.

Và tổng trị giá hàng hóa của 2 trường hợp trên không được vượt quá:

- 500 EUR đối với kiện hàng nhỏ hoặc 1.200 EUR đối với hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch khi nhập cảnh vào Vương quốc Anh.
- 200 USD đối với trường hợp kiện hàng nhỏ và hàng hóa là một phần hành lý cá nhân của người đi du lịch khi nhập cảnh vào Việt Nam.

GV Lawyers trân trọng giới thiệu đến quý độc giả một bài viết của Ông Lê Quang Vy - Luật sư Thành viên của GV Lawyers và Trợ lý pháp luật Lê Kiều Phương Các, với tiêu đề “**Bảo hộ nhãn hiệu quốc tế – Bài học pháp lý cho doanh nghiệp Việt Nam**” được đăng tải trên trang Tạp chí điện tử Luật sư Việt Nam ngày 12/6/2021.

(LSVN) - Quyền sở hữu trí tuệ (“SHTT”) là một khái niệm pháp lý dùng để chỉ quyền của chủ thể đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến

quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng [1]. Tùy từng đối tượng tài sản trí tuệ khác nhau mà điều kiện tiên quyết cho việc bảo hộ, phạm vi và nội

dung quyền SHTT cho từng đối tượng tài sản trí tuệ sẽ khác nhau. Đối với nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các chủ thể khác nhau, chủ sở hữu nhãn hiệu sẽ có quyền sở hữu công nghiệp, bao gồm quyền sử dụng, quyền cho người khác sử dụng nhãn hiệu, ngăn cấm người khác sử dụng nhãn hiệu và đình đoạt nhãn hiệu. Bên cạnh Luật SHTT với nội dung quy định về cơ chế bảo hộ quyền SHTT trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, Việt Nam cũng đã tham gia các điều ước quốc tế song phương và đa phương nhằm tạo điều kiện để các doanh nghiệp Việt Nam

được bảo hộ quyền SHTT nói chung, và quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nói riêng, tại nhiều quốc gia trên thế giới.

được bảo hộ mà thủ tục đăng ký chỉ nhằm mục đích tác giả không phải có nghĩa vụ chứng minh khi có tranh chấp bản quyền xảy ra.



Ảnh minh họa.

Quyền SHTT phát sinh khi nào?

Luật SHTT phân chia hai nhóm phát sinh quyền SHTT (1) phát sinh một cách tự nhiên; (2) phát sinh trên cơ sở đăng ký. Đối với nhóm quyền phát sinh tự nhiên đó là quyền tác giả và quyền liên quan. Điều này có nghĩa là quyền SHTT của một tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học phát sinh kể từ khi tác giả sáng tạo ra tác phẩm dưới một hình thức vật chất nhất định. Luật không bắt buộc các tác giả phải đăng ký chứng nhận quyền tác giả hay quyền liên quan mới

Trái lại đối với nhóm quyền phát sinh trên cơ sở đăng ký bao gồm các quyền sở hữu công nghiệp là các đối tượng như: sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công

ngiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, luật pháp chỉ bảo hộ quyền SHTT khi các đối tượng này được đăng ký với cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu công nghiệp (Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam) theo những thủ tục và điều kiện được quy định cụ thể. Văn bằng bảo hộ đối với nhãn hiệu (hay Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu) có hiệu lực bảo hộ trên toàn lãnh thổ Việt Nam kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ ra quyết định cấp Văn bản bằng bảo hộ và có hiệu lực đến hết mười năm kể từ

1. Điều 4.1 Luật SHTT 2005 (sửa đổi năm 2009)

ngày nộp đơn, và có thể gia hạn nhiều lần, mỗi lần mười năm. Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở thực tiễn sử dụng rộng rãi khiến cho nhãn hiệu đó trở thành nổi tiếng mà không cần thực hiện thủ tục đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.

Tại các điều ước quốc tế đa phương, như Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Agreement on Trade related aspects of Intellectual Property rights – TRIPS Agreement), Thỏa ước Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu năm 1891, được sửa đổi năm 1979 và Nghị định thư liên quan đến Thỏa ước Madrid năm 1989, hoặc theo các điều ước quốc tế song phương mà Việt Nam là thành viên, ví dụ như Hiệp định thương mại Việt - Mỹ (BTA) ngày 13/7/2000, quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu cũng được xác lập trên cơ sở công nhận của cơ quan quản lý Nhà nước thông qua việc đăng ký nhãn hiệu tại quốc gia được yêu cầu bảo hộ.

Làm thế nào để nhãn hiệu Việt Nam không bị đăng

ký chiếm hữu trên thị trường quốc tế?

Việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu là cơ sở pháp lý để xác định chủ sở hữu quyền đối với nhãn hiệu mà doanh nghiệp đang kinh doanh nhằm tránh bất kỳ một sự cạnh tranh đối doanh nghiệp khác. Nhãn hiệu được bảo hộ là tài sản SHTT có giá trị tồn tại như các tài sản hữu hình hay vô hình khác của doanh nghiệp. Tài sản SHTT cũng được định giá, được chuyển giao, chuyển quyền sử dụng (Trademark License), cho thuê... giữa các chủ thể với nhau. Có thể nói tài sản SHTT được xem như là hàn thử biểu để đánh giá mức độ uy tín của doanh nghiệp trên thương trường. Do đó, nếu không đăng ký, nhãn hiệu sẽ không được luật pháp bảo hộ. Điều này sẽ khiến cho nhãn hiệu luôn trong tình trạng có thể bị đăng ký chiếm hữu bất cứ lúc nào.

Với tầm quan trọng như đã nêu, các doanh nghiệp Việt Nam cần nhận thức rõ rằng Việt Nam đang và sẽ tham gia năng động trên thương trường quốc tế bằng hàng loạt hiệp định thương mại song phương, đa phương. Việc doanh nghiệp sở hữu

một nhãn hiệu với hình ảnh và danh tiếng tốt sẽ là một lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ của mình. Do vậy, để nhãn hiệu của mình không bị đăng ký chiếm hữu, doanh nghiệp cần tiến hành đăng ký quốc tế nhãn hiệu hàng hóa theo hai cách sau:

Phương thức 1: Đăng ký theo Thỏa ước Madrid và Nghị định thư Madrid thông qua Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO).

Để đăng ký theo hình thức này, nhãn hiệu dự định đăng ký quốc tế cần bảo đảm yêu cầu (i) tổ chức hoặc cá nhân sở hữu nhãn hiệu mang quốc tịch của quốc gia là thành viên của Hệ thống Madrid; (ii) nhãn hiệu có nguồn gốc Việt Nam; (iii) đơn đăng ký cơ sở đã được nộp cho Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam hoặc đã được Cục Sở hữu trí tuệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu [2].

Đăng ký nhãn hiệu tại Văn phòng quốc tế có hiệu lực trong vòng 10 năm, có thể gia hạn (Điều 6.1 Nghị định thư Madrid) và được bảo hộ trong các quốc gia mà người nộp đơn quốc tế hoặc chủ sở hữu đăng ký quốc tế yêu cầu (Điều 3bis & 3ter

2.
<http://www.noip.gov.vn/nhan-hieu>

Nghị định thư Madrid). Tuy nhiên lưu ý rằng, cơ quan đăng ký tại các nước thành viên mà đơn đăng ký quốc tế yêu cầu có quyền từ chối bảo hộ nhãn hiệu khi nhãn hiệu đó đã được đăng ký trực tiếp với cơ quan nước sở tại này theo Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp (Điều 5.1 Nghị định thư Madrid).

Phương thức 2: Đăng ký trực tiếp nhãn hiệu của mình với Cơ quan Sở hữu trí tuệ của từng quốc gia thông qua một đại diện sở hữu trí tuệ tại quốc gia muốn đăng ký (hay còn gọi là Quốc gia chỉ định). Việc chủ sở hữu muốn đăng ký nhãn hiệu tại quốc gia khác buộc phải thông qua một đại diện sở hữu công nghiệp được quốc gia đó công nhận. Khác với phương thức trước, nhãn hiệu không buộc đã phải được nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tại Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam trước khi đăng ký quốc tế.

Việc đăng ký tại quốc gia chỉ định sẽ phụ thuộc vào luật của quốc gia chỉ định, ý kiến của bên thứ ba về việc cấp Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tại quốc gia sở tại, cũng như nhãn hiệu đáp ứng các điều kiện luật định để được bảo hộ quyền SHTT như khả năng phân biệt, khả năng trùng hoặc tương tự đến mức gây

nhầm lẫn với các nhãn hiệu khác,...

Giải pháp nào khi nhãn hiệu bị đăng ký chiếm hữu?

Một thực tiễn phát sinh là do nhiều lý do khác nhau, các doanh nghiệp Việt Nam chỉ dừng lại ở việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu trong nước mà chưa thật sự chú trọng bảo hộ quyền sở hữu nhãn hiệu độc quyền của mình trên thị trường quốc tế - cụ thể là các quốc gia mà doanh nghiệp Việt Nam đang kinh doanh hoặc hướng đến đầu tư kinh doanh trong tương lai. Trong khi đó, quyền bảo hộ đối với nhãn hiệu giới hạn ở phạm vi lãnh thổ là quốc gia đăng ký bảo hộ, mà không phải đương nhiên áp dụng cho toàn bộ các quốc gia khác trên thế giới. Điều này dẫn đến nhiều nhãn hiệu sản phẩm có nguồn gốc Việt Nam đã bị mất quyền đăng ký bảo hộ tại nhiều quốc gia khác trên thế giới, chủ yếu là do các doanh nghiệp ở nước sở tại đã đăng ký nhãn hiệu sản phẩm có nguồn gốc Việt Nam trước đó.

Tiêu biểu có thể kể đến một số vụ việc như Trung Nguyên bị nhà phân phối của mình tại Hoa Kỳ - Rice Field nộp đơn đăng ký bảo hộ bảo hộ thương hiệu Cafe Trung Nguyên với các cơ

quan sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ (USPTO) và Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO) vào năm 2000 khi các bên đang trong quá trình thương thảo hợp tác; hay vụ việc thương hiệu sản phẩm Vinamit của công ty Đức Thành đã bị đối tác tại Trung Quốc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu bằng tiếng Trung Quốc. Gần đây nhất, gạo ST25 đã bị Công ty T&L Global Foods Supply PTY LTD nộp hồ sơ đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Úc và một số doanh nghiệp khác yêu cầu đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Hoa Kỳ, trong khi tại Việt Nam, gạo ST25 đã được Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cấp văn bằng bảo hộ giống cây trồng, theo Quyết định số 45/QĐ-TT-VPBH ngày 06/03/2020 của Cục trưởng Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp Văn bằng bảo hộ giống cây trồng số 21VN.2020 cho Doanh nghiệp tư nhân Hồ Quang Trí và tác giả giống lúa ST25 là các ông/bà Hồ Quang Cua, Trần Tấn Phương, Nguyễn Thị Thu Hương.

Vậy làm cách nào để dành lại nhãn hiệu đã bị đăng ký chiếm hữu? Thông thường, căn cứ vào Văn bằng bảo hộ nhãn hiệu đã được cấp và trên cơ sở luật pháp của quốc gia mà nhãn hiệu bị đăng ký chiếm hữu. Doanh

ngành cần có đơn phản đối gửi đến cơ quan quản lý sở hữu trí tuệ của nước sở tại nhằm ngăn chặn việc cấp bảo hộ đối với nhãn hiệu (nếu nhãn hiệu xin đăng ký vẫn còn trong giai đoạn thẩm định đơn yêu cầu) hoặc quyền yêu cầu hủy bỏ hiệu lực bảo hộ nhãn hiệu (nếu đã được bảo hộ). Doanh nghiệp có đơn phản đối đồng thời phải cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở để xem xét và được chấp thuận. Cụ thể như trường hợp của cà phê Trung Nguyên, trong số các bằng chứng quan trọng nhất là Giấy phép kinh doanh của công ty được cấp vào năm 1996, các nhãn hiệu của Trung Nguyên và biến hiệu đã được sử dụng rộng rãi tại Việt Nam, danh sách gần 400 quán cà phê tồn tại và hoạt động theo

nhượng quyền thương mại của Trung Nguyên và các thị trường nước ngoài của Công ty này. Ngoài ra còn có bằng chứng về doanh thu ròng hàng năm từ việc bán các sản phẩm và những quyền kinh doanh của công ty này từ năm 1997 đến 2001 [3]. Ngoài ra, bên cạnh việc yêu cầu phản đối hoặc yêu cầu hủy bỏ Văn bằng bảo hộ nêu trên, doanh nghiệp Việt Nam cần thực hiện song song thủ tục nộp đơn yêu cầu đăng ký bảo hộ nhãn hiệu để giải quyết triệt để vụ việc, bảo đảm quyền SHTT của mình.

Nhãn hiệu thường bị đăng ký chiếm hữu trên thị trường quốc tế bởi các doanh nghiệp ở nước sở tại lại chính là đối tác của mình hoặc các doanh nghiệp của nước sở tại có cùng ngành nghề kinh doanh với mình.

Do đó, hơn ai hết, chính các doanh nghiệp Việt Nam cần phải nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo hộ độc quyền nhãn hiệu nói riêng và bảo hộ tài sản trí tuệ nói chung trên trường quốc tế, vì điều này đem lại lợi ích kinh tế rất lớn như là được độc quyền sở hữu nhãn hiệu, bao gồm cả quyền sử dụng nhãn hiệu tại nước sở tại. Ngoài ra, doanh nghiệp Việt Nam còn có quyền chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu thông qua các hợp đồng li-xăng (License Agreement), đảm bảo được giá trị pháp lý nhằm tạo ra giá trị gia tăng kinh tế cho nhãn hiệu, đặc biệt là tạo được vị thế cân bằng khi đàm phán, cạnh tranh với các doanh nghiệp kinh doanh cùng ngành nghề dịch vụ tại nước ngoài.

3. Nguồn tham khảo: <http://www.doanhtri.net/tin-nhac-lai-hai-vu-tranh-chap->

[nhan-hieu-lon--bai-hoc-dat-gia-nao-cho-cac-doanh-nghiep-viet--d68519.html,](http://www.doanhtri.net/tin-nhac-lai-hai-vu-tranh-chap-)

truy cập lần cuối lúc 10h45 ngày 08/6/2021.

1. Sắp hết thời tự do livestream, kiếm tiền online

(DNHN) Bộ Thông tin – Truyền thông đang lấy ý kiến công khai dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 72/NĐ-CP năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet.

Theo Bộ TT-TT, các nền tảng mạng xã hội (MXH) xuyên biên giới đang chiếm ưu thế rất lớn so với MXH trong nước. Tính đến hết tháng 6, Facebook có khoảng 65 triệu thành viên Việt Nam, YouTube có khoảng 60 triệu và TikTok khoảng 20 triệu. Trong khi đó, các MXH này chưa tuân thủ đầy đủ quy định pháp luật Việt Nam, nhiều cá nhân, tổ chức lợi dụng MXH để hoạt động báo chí, tổ chức livestream nhằm cung cấp thông tin sai sự thật, xúc phạm uy tín, nhân phẩm của tổ chức, cá nhân khác...



Các mạng xã hội phổ biến ở nước ta hiện nay. (Ảnh: PV)

Hiện nay dù chưa được chính thức đưa vào quản lý trong các văn bản quy phạm pháp luật, song một bộ phận kinh tế “ngầm” từ livestream bán hàng, làm kênh YouTube, Facebook, TikTok... đang mang lại nguồn thu rất lớn cho rất nhiều cá nhân, tổ chức.

Sự phát triển nóng, thiếu kiểm soát nội dung, chất lượng từ các buổi livestream, các kênh kiếm tiền online đã nảy sinh nhiều hệ lụy. Bài toán đặt ra là quản lý ra sao để lấp các “khoảng trống pháp lý”, tránh loạn livestream, đưa phần kinh tế ngầm này đóng góp minh bạch và tác động tích cực tới sự phát triển của kinh tế, xã hội.

Hai điểm đáng chú ý nhất trong dự thảo sửa đổi Nghị định là Bộ TT-TT đề xuất về nghĩa vụ của nhà cung cấp và quyền của người sử dụng. Theo đó, các

kênh/tài khoản và các trang web/ứng dụng cung cấp dịch vụ nội dung có từ 10.000 lượt người truy cập thường xuyên 1 tháng phải thông báo/xác nhận thông báo hoạt động với Bộ TT-TT và phối hợp xử lý thông tin vi phạm theo quy trình. Các dịch vụ này phải chặn, gỡ các thông tin, dịch vụ vi phạm trong 24 giờ khi có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền VN, các doanh nghiệp viễn thông cũng được phép thực hiện biện pháp kỹ thuật nhằm ngăn chặn nội dung vi phạm.

Đặc biệt, người sử dụng tại VN có quyền thông báo vi phạm, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp xuyên biên giới xử lý và khôi phục. Các MXH xuyên biên giới phải có bộ phận chuyên trách tiếp nhận, giải quyết khiếu nại từ người sử

dụng, tuân thủ bản quyền báo chí với các cơ quan báo chí VN. Riêng về livestream, chỉ cho phép các kênh, tài khoản đã thông báo với Bộ TT-TT mới được cung cấp dịch vụ phát trực tuyến (livestream) và dịch vụ có phát sinh doanh thu. Chủ tài khoản phải chịu trách nhiệm về nội dung và cả phần bình luận của người dùng.

Thực tế, những người sáng tạo nội dung trực tuyến trên các nền tảng xuyên biên giới như Facebook (streamer, livestream), YouTuber, TikToker... tại Việt Nam dù đang gia tăng rất nhanh về số lượng, nhưng chưa được chính thức xem là một ngành nghề và cũng chưa có quy định, quản lý cụ thể. Đồng nghĩa với đó là các nội dung trực tuyến phát trên các nền tảng MXH này không được quản lý, giám sát chặt, dẫn tới nhiều nội dung phản cảm, sai lệch.

Hiện nay có rất nhiều cá nhân nhỏ lẻ livestream bán hàng trong mạng lưới quan hệ của họ chỉ vài chục đến vài trăm người. Thực tế hoạt động livestream diễn ra trên MXH nhiều hơn là ở các sàn thương mại điện tử, vì thế quy định quản lý cần có sự phối hợp giữa các bên, cả Bộ TT-TT và Bộ Công thương. Nếu quy định về số lượng người đăng ký kênh mới được livestream sẽ làm giảm tính xã hội hóa

cao, khó tạo cơ hội cho những người yếu thế, từ nông dân đến tiểu thương.

Bên cạnh đó, các ngành chức năng cũng cần có thêm các chính sách tạo điều kiện cho livestream phát triển, bởi đây sẽ là một phần tương lai của ngành thương mại điện tử Việt Nam.

Theo ĐT (TH), doanhnghiephoinhap.vn

2. Sắp “khai tử” hóa đơn giấy để chống gian lận

Tổng cục Thuế đang nghiên cứu các giải pháp công nghệ, xây dựng thiết kế tổng thể hệ thống quản lý hóa đơn điện tử, đáp ứng quy định tại Nghị định số 123/2020/NĐ-

CP ngày 19/10/2020 quy định về hoá đơn, chứng từ, hướng đến lộ trình “khai tử” hoá đơn giấy vào ngày 1/7/2022.



Hành vi gian lận hóa đơn trốn thuế sẽ chấm dứt khi áp dụng hóa đơn điện tử

Dự kiến, hệ thống trên sẽ được triển

khai trước tại 6 Cục Thuế các tỉnh, thành phố, bao gồm: Hà Nội, TP. HCM, Quảng Ninh, Hải Phòng, Phú Thọ và Bình Định trong những tháng cuối năm nay.

Số lượng hóa đơn điện tử đã sử dụng trong năm 2020 khoảng 2,3 tỷ hoá đơn, chiếm khoảng 50% tổng số hóa đơn sử dụng trong năm 2020. Hiện cả nước có khoảng 800 doanh nghiệp cung cấp giải pháp phần mềm hóa đơn điện tử cho các doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh sử dụng.

Theo báo cáo của Tổng cục Thuế, hiện nay trên cả nước có 255 doanh nghiệp thí điểm áp dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực của cơ quan thuế theo Quyết định số 1209/QĐ-BTC ngày 23/6/2015 của Bộ Tài chính. Đồng thời,

hơn 550.000 doanh nghiệp áp dụng hóa đơn điện tử theo Thông tư số 32/2011/TT-BTC ngày 14/03/2011 hướng dẫn về việc khởi tạo, phát hành, sử dụng, quản lý hoá đơn điện tử khi bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.

Việc triển khai Hệ thống hoá đơn điện tử cũng góp phần giúp các doanh nghiệp

chuyển đổi số khi tiến hành số hóa, tự động hóa tất cả các quy trình làm việc để thay thế phương thức làm việc thủ công, kém hiệu quả trước đây. Đồng thời, giúp giảm chi phí về hoá đơn cho doanh nghiệp, khắc chế các hành vi gian lận về hoá đơn.

Từ năm 2017 đến năm 2019, ngành thuế đã phát hiện 7.474 doanh nghiệp mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp, với gần 500.000 hóa đơn vi phạm, truy thu gần 200 tỷ đồng tiền thuế. Năm 2020, số lượng doanh nghiệp sử dụng hóa đơn bất hợp pháp giảm mạnh, nhưng mức độ nghiêm trọng ngày càng gia tăng, 9 tháng năm 2020 truy thu lên tới 6.599 tỷ đồng.

Theo Ánh Tuyết, vneconomy.vn

1. Thủ tục tạm xuất, tái nhập hàng thay thế

- Đối với hàng hóa đã tạm xuất nhưng không tái nhập: Thực hiện thủ tục xuất khẩu hàng hóa (mã loại hình B12- Xuất sau khi đã tạm xuất) tại Chi cục Hải quan nơi mở tờ khai tạm xuất theo quy định tại mục 5 chương III của Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP. Trường hợp tờ khai được phân vào luồng đỏ thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan quyết định việc không kiểm tra thực tế hàng hóa.
- Đối với hàng hóa mới nhập về để thay thế: Thực hiện thủ tục nhập khẩu (không phải tái nhập) hàng hóa thông thường quy định tại mục 5 Nghị định 08/2015/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 59/2018/NĐ-CP và Thông tư 38/2015/TT-BTC, Thông tư số 39/2018/TT-BTC.

Tổng Cục Hải quan trả lời vướng mắc của Công ty CP TM Kỹ thuật M.T. tại Công văn số 3261/TCHQ-GSQL ngày 29/6/2021.

2. Sử dụng hóa đơn và thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động cung cấp dịch vụ ra nước ngoài của doanh nghiệp chế xuất

Trường hợp Công ty là doanh nghiệp chế xuất phát sinh hoạt động cung cấp dịch vụ thiết kế, nghiên cứu thị trường và dịch vụ tư vấn quản lý sản xuất ra nước ngoài (ngoài lãnh thổ Việt Nam) thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định tại Khoản 20 Điều 4 của Thông tư 219/2013/TT-BTC. Đối với hoạt động cung cấp dịch vụ nêu

trên, Công ty sử dụng hóa đơn thương mại theo quy định tại Khoản 7 Điều 3 của Thông tư 119/2014/TT- BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty TNHH Kalotec Việt Nam tại Công văn số 23122/CTHN-TTHT ngày 25/6/2021.

3. Quyết toán thuế thu nhập cá nhân

- Trường hợp Văn phòng đại diện sử dụng người lao động nước ngoài theo hình thức di chuyển nội bộ từ Công ty mẹ tại nước ngoài sang làm việc tại Việt Nam, toàn bộ tiền lương do Công ty mẹ tại nước ngoài chi trả, Văn phòng đại diện thanh toán tiền thuê nhà cho nhân viên thì:

- ✓ Đối với Văn phòng đại diện: Khoản tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) chi trả cho nhân viên thuộc khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công quy định tại 2 Điều 11 của Thông tư 92/2015/TT-BTC. Khi tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai quyết toán thuế không phân biệt có phát sinh khấu trừ thuế hay không phát sinh khấu trừ thuế.

- ✓ Đối với cá nhân người lao động nước ngoài: Trường hợp người lao động nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân cư trú trong năm tính thuế thì thu nhập chịu thuế TNCN là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả thu nhập. Cá nhân thực hiện kê

khai thuế TNCN theo Biểu thuế lũy tiến từng phần hướng dẫn tại khoản 7 Điều 26 của Thông tư 111/2013/TT-BTC và khoản 7 Điều 16 của Thông tư 156/2013/TT-BTC.

- Trường hợp người lao động nước ngoài đáp ứng điều kiện là cá nhân không cư trú trong năm tính thuế thì thu nhập chịu thuế TNCN là thu nhập phát sinh tại Việt Nam (không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập). Cá nhân thực hiện kê khai thuế theo thuế suất 20% hướng dẫn tại khoản 8 Điều 26 của Thông tư 111/2013/TT-BTC và khoản 8 Điều 16 của Thông tư 156/2013/TT-BTC.
- Việc xác định cá nhân người nước ngoài là cá nhân cư trú, cá nhân không cư trú tại Việt Nam thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 111/2013/TT-BTC và Điều 2 của Thông tư số 119/2014/TT-BTC.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Văn phòng đại diện BYN BlackYak Co., Ltd tại Công văn số 22241/CTHN-TTHT ngày 22/6/2021.

4. Chính sách thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư

Trường hợp năm 2016, Công ty có hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư cho Công ty khác theo đúng quy định của pháp luật, nếu thuộc trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT cho doanh nghiệp theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 5 của Thông tư 219/2013/TT-BTC thì Công ty không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Khi chuyển nhượng, Công ty thực hiện lập hóa đơn theo quy định, trên hóa đơn GTGT chỉ ghi dòng giá bán là giá thanh toán, dòng thuế suất, số thuế GTGT không ghi và gạch bỏ.

Cục Thuế thành phố Hà Nội trả lời vướng mắc của Công ty cổ phần Licogi 19 tại Công văn số 20844/CTHN-TTHT ngày 11/6/2021.

STT	Tên văn bản	Ngày ban hành	Ngày có hiệu lực
CHÍNH PHỦ			
1	Nghị định 62/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều Luật Cư trú	29/6/2021	01/7/2021
2	Nghị định 58/2021/NĐ-CP quy định về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tin dụng	10/6/2021	15/8/2021
3	Nghị định 57/2021/NĐ-CP về việc bổ sung điểm g khoản 2 Điều 20 Nghị định 218/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định 12/2015/NĐ-CP) về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp đối với dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	04/6/2021	04/6/2021
BỘ CÔNG THƯƠNG			
1	Thông tư 02/2021/TT-BCT về việc quy định Quy tắc xuất xứ hàng hóa trong Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len	11/6/2021	26/7/2021
BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG			
1	Quyết định 874/QĐ-BTTTT về việc ban hành Bộ Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội	17/6/2021	17/6/2021
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Thông tư 51/2021/TT-BTC hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	30/06/2021	16/8/2021
2	Thông tư 45/2021/TT-BTC hướng dẫn việc áp dụng cơ chế Thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế (APA) trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết	18/6/2021	03/8/2021
3	Thông tư 43/2021/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 11 Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 26/2015/TT-BTC)	11/6/2021	01/8/2021
4	Thông tư 42/2021/TT-BTC về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam	04/6/2021	20/7/2021
	Thông tư 40/2021/TT-BTC về việc hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	01/6/2021	01/8/2021
BỘ XÂY DỰNG			
1	Quyết định 705/QĐ-BXD về việc công bố thủ tục hành chính ban hành mới, thủ tục hành chính được thay thế, sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng	11/6/2021	26/3/2021
2	Công văn 2096/BXD-QLN về việc thực hiện quy định về giao dịch bất động sản, nhà ở hình thành trong tương lai	07/6/2021	07/6/2021



**GLOBAL VIETNAM
LAWYERS**

Liên Hệ Với Chúng Tôi

info@gvlawyers.com.vn

Trụ sở chính – TP. HCM

Tầng 8, Tòa nhà Centec
72-74 Nguyễn Thị Minh Khai
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10A, Tòa nhà CDC
25 Lê Đại Hành
Quận Hai Bà Trưng
Hà Nội, Việt Nam
Tel: +84 (24) 3208 3555

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 3, Tòa nhà Indochina
Riverside, 74 Bạch Đằng
Quận Hải Châu
Đà Nẵng, Việt Nam
Tel: +84 (28) 3622 3555

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể chưa đầy đủ hoặc chưa được cập nhật kịp thời tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi, GV Lawyers, tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

